

Số: ~~442~~ /QĐ-CĐSP

Hoà Bình, ngày 19 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Chương trình đào tạo, Đề cương chi tiết các học phần ngành Giáo dục Mầm non trình độ liên thông từ Trung cấp lên Cao đẳng
(Áp dụng cho đối tượng người học có trình độ đầu vào tốt nghiệp THPT hoặc tương đương và có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc nhóm ngành đào tạo giáo viên)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM HÒA BÌNH

Căn cứ Thông tư số 29/2018/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2018 về việc Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên; quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp và trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 24/2019/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên;

Căn cứ quyết định số 16/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/5/2007 về việc ban hành Chương trình khung Giáo dục đại học trình độ Cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non thuộc khối ngành sư phạm của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ chuẩn đầu ra ngành Giáo dục Mầm non, trình độ cao đẳng, ban hành kèm theo Quyết định số 157/QĐ-CĐSP ngày 16/9/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo – Khảo thí – Khoa học và CTSV,

QUYẾT ĐỊNH

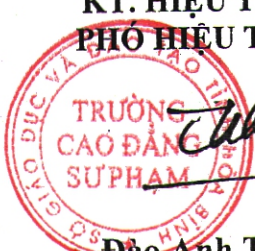
Điều 1: Ban hành kèm theo quyết định này Chương trình Đào tạo, Đề cương chi tiết các học phần trình độ liên thông từ trung cấp lên cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (áp dụng cho đối tượng người học có trình độ đầu vào tốt nghiệp THPT hoặc tương đương và có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc nhóm ngành đào tạo giáo viên).

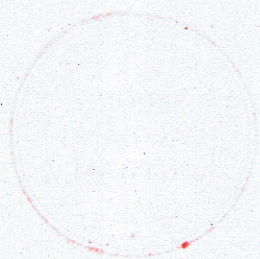
Điều 2: Chương trình Đào tạo, Đề cương chi tiết các học phần trình độ liên thông từ trung cấp lên cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Quyết định này được thực hiện cho công tác đào tạo từ năm học 2022 - 2023 trở đi.

Điều 3: Các ông (bà) Trường phòng Đào tạo – Khảo thí – Khoa học và CTSV, các khoa/tổ chuyên môn, các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (để b/c);
- Như điều 3 (để t/h),
- Lưu: VT, P. ĐT-KT-KH&CTSV, các khoa, tổ.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đào Anh Tuấn



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON TRÌNH ĐỘ LIÊN THÔNG TỪ TRUNG CẤP LÊN CAO ĐẲNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 442 /QĐ-CDSP ngày 19 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng trường CDSP Hòa Bình)

Tên ngành (tiếng Việt và tiếng anh): Giáo dục Mầm Non (Early Childhood Education)

Mã ngành: 51140201 —

Tên chương trình đào tạo: Giáo dục Mầm Non Mã chương trình: 51140201LT

Trình độ đào tạo: Cao đẳng Hệ đào tạo: Liên thông chính qui

Danh hiệu tốt nghiệp: Cao đẳng giáo dục mầm non

Thời gian đào tạo chuẩn: 2 năm

Đơn vị đào tạo: Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình

Đối tượng đào tạo: Người học đã có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương và có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc nhóm ngành đào tạo giáo viên

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non (GDMN) liên thông từ trung cấp lên cao đẳng nhằm đào tạo giáo viên đáp ứng được những yêu cầu của GDMN. Giáo viên mầm non (GVMN) được đào tạo có đủ phẩm chất đạo đức, sức khỏe, năng lực thực hiện các hoạt động trong GDMN. Tự bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ về phương pháp GDMN và học tiếp ở các bậc học cao hơn.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

M1: Vận dụng được kiến thức giáo dục đại cương chung vào hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.

M2: Vận dụng được kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành vào quá trình tổ chức thực hiện các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

1.2.2. Kỹ năng

M3: Có năng lực phát triển chương trình GDMN, xây dựng môi trường giáo dục, tổ chức, quản lý các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non.

M4: Có năng lực giao tiếp, tư vấn, phối hợp, truyền thông trong thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và bảo vệ quyền trẻ em.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

M5: Tuân thủ và chủ động thực hiện các quy định chung, quy định của GDMN.



M6: Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm; biết chịu trách nhiệm cá nhân và tự đánh giá, đánh giá, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ. Tự học và thích ứng trong các điều kiện thay đổi.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Về kiến thức

2.1.1. Kiến thức chung

PLO1: Hệ thống được những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; pháp luật đại cương; giáo dục thể chất, quốc phòng - an ninh làm cơ sở cho việc rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, thể chất của người giáo viên mầm non và vận dụng vào hoạt động chuyên môn.

2.1.2. Kiến thức chuyên ngành

PLO2: Vận dụng kiến thức về mỹ thuật, âm nhạc và múa, tâm lý học đại cương, giáo dục học đại cương vào nghiên cứu, tìm hiểu kiến thức chuyên ngành GDMN.

PLO3: Vận dụng kiến thức về sự phát triển thể chất, sự học và sự phát triển tâm lý của trẻ mầm non, giáo dục học mầm non, nghề giáo viên mầm non để thực hiện hoạt động nghề nghiệp, hoạt động xã hội thuộc lĩnh vực GDMN.

PLO4: Phân tích được các kiến thức về chương trình, phát triển chương trình GDMN, phương pháp trong nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ để thực hiện các hoạt động trong GDMN.

PLO5: Ứng dụng được các kiến thức về công nghệ thông tin trong thiết kế và tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

2.2. Về Kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng chung

PLO6: Thực hiện được hoạt động giao tiếp, giao tiếp sư phạm mầm non. Quản lý được cảm xúc của bản thân và giải quyết được các tình huống sư phạm trong quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và các hoạt động chung ở cơ sở giáo dục mầm non.

PLO7: Có trình độ tiếng Anh, tin học và các chứng chỉ, chứng nhận theo yêu cầu.

- Sử dụng được ngôn ngữ Tiếng Anh cơ bản (*tương đương bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam*) trong tổ chức hoạt động giáo dục mầm non.

- Sử dụng phương tiện kỹ thuật và ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm trong chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý nhóm, lớp.

- Đạt chứng chỉ GDQP-AN.

- Đạt chứng chỉ Giáo dục thể chất.

2.2.2. Kỹ năng chuyên ngành

PL08: Phát triển chương trình GDMN; thiết kế và tổ chức môi trường giáo dục cho trẻ ở trường, lớp mầm non.

PI.09: Lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.
phù hợp với chương trình GDMN hiện hành, thực tiễn địa phương, phương pháp GDMN
tiên tiến.

PL010: Quan sát, đánh giá, quản lý trẻ trong hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ở trường, lớp mầm non.

PL011: Tư vấn, hỗ trợ, phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ trẻ, các tổ chức xã hội về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, bảo vệ quyền trẻ em và truyền thông trong GDMN.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PLO12: Tuân thủ và chủ động thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; các quy định của ngành học; bảo vệ quyền và lợi ích của trẻ em.

POS13: Chủ động thực hiện yêu cầu trong chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ; cập nhật các vấn đề đổi mới, phương pháp tiên tiến trong GDMN.

PL014: Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, biết chịu trách nhiệm cá nhân trước nhiệm vụ được giao, có tư duy phản biện, thể hiện được quan điểm cá nhân trước các vấn đề cần giải quyết, tự học và thích ứng trong điều kiện thay đổi.

PLO15: Tự đánh giá, đánh giá, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ trong chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ và đề xuất được biện pháp thực hiện phù hợp.

3. Ma trận quan hệ mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu cụ thể	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo														
	Kiến thức					Kỹ năng						Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10	PL11	PL12	PL13	PL14	PL15
M1	X											X		X	
M2		X	X			X	X		X	X	X		X		X
M3				X				X	X	X	X				X
M4						X					X				X
M5												X			
M6													X	X	X

4. Đối tượng tuyển sinh

- Học sinh đã tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương và có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc nhóm ngành đào tạo giáo viên.

- Các thí sinh thuộc diện được tuyển thẳng cần làm hồ sơ xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tuyển sinh trên phạm vi cả nước.

5. Quy trình đào tạo, đánh giá kết quả học tập và điều kiện tốt nghiệp

5.1. Phương thức đào tạo

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ

5.2. Tổ chức lớp học

Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của người học ở từng học kỳ.

Số lượng người học tối thiểu cho mỗi lớp học tùy theo từng loại học phần được giảng dạy do Hiệu trưởng quyết định.

5.3. Đánh giá kết quả học tập

1. Điểm môn học, học phần

a) Điểm môn học, học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, học phần có trọng số 0,6;

b) Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

c) Điểm môn học, học phần đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 10 đạt từ 4,00 trở lên sau khi đã quy đổi đối với đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

2. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần mà người học đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ, năm học, khóa học;

3. Điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học và điểm trung bình chung tích lũy: được tính theo thang điểm 10 và làm tròn đến hai chữ số thập phân

a) Công thức tính điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học và điểm trung bình chung tích lũy:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \cdot n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

+ A: Là điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học hoặc điểm trung bình chung tích lũy;

+ i: Là số thứ tự môn học, học phần;

+ a_i : Là điểm của môn học, học phần thứ i ;

+ n_i : Là số tín chỉ của môn học, học phần thứ i ;

+ n : Là tổng số môn học, học phần trong học kỳ, năm học, khóa học hoặc số tín chỉ đã tích lũy.

b) Điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học và điểm trung bình chung tích lũy bao gồm cả điểm môn học, học phần được bảo lưu, không bao gồm điểm môn học, học phần được miễn trừ và môn học, học phần điều kiện;

c) Trường hợp người học được tạm hoãn học môn học, học phần thì chưa tính khối lượng học tập của môn học, học phần đó trong thời gian được tạm hoãn.

4. Điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học và điểm trung bình chung tích lũy chỉ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ, năm học hoặc khóa học được tính theo kết quả điểm thi kết thúc môn học, học phần lần thứ nhất; để xét điều chỉnh tiến độ học, buộc thôi học được tính theo kết quả lần thi kết thúc môn học, học phần có điểm cao nhất.

5. Các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh là 2 học phần điều kiện; kết quả đánh giá 2 môn học, học phần này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học và điểm trung bình chung tích lũy, xếp loại tốt nghiệp nhưng là một trong các điều kiện để xét hoàn thành khối lượng học tập, xét điều kiện dự thi tốt nghiệp hoặc bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp và được ghi vào bảng điểm cấp kèm theo bằng tốt nghiệp.

5.4. Điều kiện tốt nghiệp

1. Người học được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:

1. Người học được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:

a) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng học tập quy định cho chương trình đào tạo;

b) Được xếp loại đạt ở kỳ thi tốt nghiệp các môn các môn Lý luận chính trị;

c) Có đủ Chứng chỉ giáo dục quốc phòng - an ninh và giáo dục thể chất theo quy định hiện hành;

d) Có điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên theo thang điểm 4 đối với đào tạo theo tín chỉ;

đ) Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm môn học, học phần thuộc chương trình đào tạo và các điều kiện khác do Hiệu trưởng quy định.

e) Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, tính đến thời điểm xét tốt nghiệp;

g) Có đơn gửi Hiệu trưởng Trường đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học (nếu người học có nhu cầu).

2. Trường hợp người học bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học thì được thủ trưởng cơ sở đào tạo giáo viên tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.

6. Nội dung đào tạo

6.1. Tổng số tín chỉ: 60 tín chỉ (*Chưa kể học phần Giáo dục Thể chất và Giáo dục quốc phòng, an ninh*). Trong đó:

- Kiến thức giáo dục đại cương: 19 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 41 tín chỉ
- + Khối kiến thức cơ sở ngành: 08 tín chỉ
- + Khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành: 33 tín chỉ
- + Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp: 05 tín chỉ (02 học phần thuộc các học phần trong khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành).

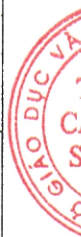
6.2. Khung chương trình đào tạo:

TT	Nội dung	Số TC
1	Khối kiến thức Giáo dục đại cương chung cho ngành Sư phạm (<i>Chưa kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng-AN</i>)	19
2	Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp - Khối Kiến thức, kỹ năng cơ bản: - Khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành: - Học phần thay thế thi tốt nghiệp hoặc khóa luận: 5 tín chỉ (Lựa chọn 02 học phần thuộc khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành)	41 08 33

* Nội dung từng phần:

TT	Mã HP	Khối kiến thức/Tên HP	Số TC	Học kỳ	Số tiết lên lớp			Thực hành, TT tại cơ sở	Học phần tiên quyết
					LT	TL TH TN	KT		
A. KHỐI KIẾN THỨC GDĐC CHUNG CHO NGÀNH SP			19						
1	DC5501	Những NL cơ bản của CN Mác-LêNin	5	1	52	45	1		Không
2	DC5202	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	3	21	17	1		DC5501
3	DC5303	Đường lối CM của Đảng CSVN	3	4	32	25	1		DC5202
4	DC5403	Pháp luật đại cương	3	2	29	31	1		Không
5	DC5502	Tiếng Anh 1	2	3	18	22	2		Không
6	DC5602	Tiếng Anh 2	2	4	18	22	2		DC5502

7	DC5711	Giáo dục quốc phòng - An ninh (165 tiết)		1 - 4	77	88	0		Không
8	DC5803	Giáo dục thể chất (90 tiết)		1 - 3	0	84	6		Không
9	DC 5902	Công nghệ thông tin và ứng dụng CNTT trong GDMN	2	1	18	22	2		Không
B. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP									
I. Khối Kiến thức, kỹ năng cơ bản (Kiến thức cơ sở ngành)			08						
1	MN5201	Tâm lý học đại cương	2	1	18	23	1		Không
2	MN5202	Giáo dục học đại cương	2	1	18	23	1		Không
3	MN5203	Mỹ thuật	2	2	18	21	3		Không
4	MN5204	Âm nhạc và Múa	2	1	18	22	2		Không
II. Khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành			33						
1	MN5205	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi MN	2	1	19	22	1		Không
2	MN5306	Sự học và sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi Mầm non	3	2	27	35	1		MN5201
3	MN5307	Giáo dục học mầm non và Nghệ giáo viên mầm non	3	3	27	35	1		MN5202
4	MN5309	Chương trình giáo dục mầm non - Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN.	3	4	27	33	3		Không
5	MN5210	Vệ sinh - Dinh dưỡng	2	2	18	22	2		MN5205
6	MN5211	Tổ chức hoạt động tạo hình	2	3	18	22	2		MN5203
7	MN5212	Tổ chức hoạt động âm nhạc	2	3	18	22	2		MN5204
8	MN5213	Tổ chức hoạt động vui chơi	2	3	18	22	2		MN5307 MN5306
9	MN5214	Phương pháp phát triển ngôn ngữ	2	3	18	22	2		Không
10	MN5215	Phương pháp làm quen với Toán	2	4	18	22	2		Không
11	MN5216	Phương pháp khám phá khoa học và môi trường xung quanh	2	4	18	22	2		Không
12	MN5217	Phương pháp làm quen với văn học	2	3	18	22	2		MN5224
13	MN5218	Phương pháp giáo dục thể chất	2	4	18	22	2		DC5803
14	MN5436	Thực tập cuối khóa	4	4	0	0	0	6 tuần	



IV. Học phần thay thế thi TN hoặc khóa luận (5 tín chỉ): Lựa chọn từ các học phần thuộc khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành (02 học phần).						
Tổng số 1.414 tiết	60	599	768	47		

7. Ma trận thể hiện sự đóng góp của từng học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

TT	HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA														
		Kiến thức					Kỹ năng						Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
		PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL10	PL11	PL12	PL13	PL14	PL15
1	Những NLCB của chủ nghĩa Mác-LêNin	X										X	X		X	X
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X										X	X		X	
3	Đường lối CM của Đảng CSVN	X										X	X		X	
4	Pháp luật đại cương	X										X	X		X	X
5	Tiếng Anh 1						X	X		X		X				
6	Tiếng Anh 2						X	X		X		X				
7	Giáo dục quốc phòng –An ninh (165 tiết)	X											X		X	
8	Giáo dục thể chất (90 tiết)	X					X					X				X
9	Công nghệ thông tin và ứng dụng CNTT trong GDMN					X		X	X	X	X	X		X	X	X
10	Tâm lý học đại cương		X	X			X				X	X				X
11	Giáo dục học đại cương		X	X			X				X	X				X
12	Mỹ thuật		X						X			X			X	
13	Âm nhạc và Múa		X				X		X			X		X		
14	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi MN			X	X		X			X	X			X		X
15	Sự học và sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi Mầm non			X			X		X	X	X	X				X
16	Giáo dục học mầm non và Nghề giáo viên mầm non			X	X		X			X	X	X		X	X	X

17	Chương trình GDMN - Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN.				X		X		X	X		X		X		X
18	Vệ sinh - Dinh dưỡng				X		X			X	X	X		X		X
19	Tổ chức hoạt động tạo hình				X				X	X		X				X
20	Tổ chức hoạt động âm nhạc		X		X				X	X		X				X
21	Tổ chức hoạt động vui chơi		X		X				X	X		X				X
22	Phương pháp phát triển ngôn ngữ		X		X				X	X		X			X	X
23	Phương pháp làm quen với Toán		X		X				X	X		X				X
24	Phương pháp khám phá khoa học và MTXQ		X		X				X	X		X				X
25	Phương pháp làm quen với văn học		X		X				X	X		X			X	X
26	Phương pháp giáo dục thể chất		X		X				X	X		X				X
27	Thực tập cuối khóa	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	Tốt nghiệp															
	Khóa luận tốt nghiệp	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

8. Trình tự nội dung chương trình và bản đồ chương trình dạy học

TT	Mã HP	Học phần	Số tín chỉ	Học kì				Khoa, Tổ giảng dạy
				1	2	3	4	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
A. Kiến thức giáo dục đại cương			19					
1	DC 5501	Những NL cơ bản của CN Mác LêNin	5	5				Tổ LLCT-GDQPAN&GDTC
2	DC 5202	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			2		Tổ LLCT-GDQPAN&GDTC
3	DC 5303	Đường lối CM của Đảng CSVN	3				3	Tổ LLCT-GDQPAN&GDTC
4	DC 5403	Pháp luật đại cương	3		3			Tổ LLCT-GDQPAN&GDTC
5	DC 5502	Tiếng Anh 1	2			2		Khoa TH-THCS&LKĐT

6	DC 5602	Tiếng Anh 2	2				2	Khoa TH-THCS&LKĐT
7	DC 5711	Giáo dục quốc phòng –An ninh (165 tiết)			165			TTGDQPAN-ĐHQGIHN
8	DC 5803	Giáo dục thể chất (90 tiết)		30	30	30		Tổ LLCT-GDQPAN&GDTC
9	DC 5902	Công nghệ thông tin và ứng dụng CNTT trong GDMN	2	2				Giảng viên Tin học
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp								
I. Khối Kiến thức, kỹ năng cơ bản (Kiến thức cơ sở ngành)			08					
1	MN5201	Tâm lý học đại cương	2	2				TTNCGD &GDĐB
2	MN5202	Giáo dục học đại cương	2	2				TTNCGD &GDĐB
3	MN5203	Mỹ thuật	2		2			Khoa MN
4	MN5204	Âm nhạc và Múa	2	2				Khoa MN
II. Khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành			33					
1	MN5205	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi MN	2	2				Khoa MN
2	MN5306	Sự học và sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi Mầm non	3		3			TTNCTLGD &GDĐB
3	MN5307	Giáo dục học mầm non và Nghề giáo viên mầm non	3			3		TTNCTLGD &GDĐB
4	MN5309	Chương trình GDMN - Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN	3				3	Khoa MN
5	MN5210	Vệ sinh - Dinh dưỡng	2		2			Khoa MN
6	MN5211	Tổ chức hoạt động tạo hình	2			2		Khoa MN
7	MN5212	Tổ chức hoạt động âm nhạc	2			2		Khoa MN
8	MN5213	Tổ chức hoạt động vui chơi	2			2		Khoa MN
9	MN5214	Phương pháp phát triển ngôn ngữ	2			2		Khoa MN
10	MN5215	Phương pháp làm quen với Toán	2				2	Khoa MN

11	MN5216	Phương pháp khám phá khoa học và môi trường xung quanh	2				2	Khoa MN
12	MN5217	Phương pháp làm quen với văn học	2				2	Khoa MN
13	MN5218	Phương pháp giáo dục thể chất	2				2	Khoa MN
14	MN5436	Thực tập cuối khóa (6 tuần)	4				4	Khoa MN, Cơ sở THMN Hoa Sen/Trường Mầm non
IV. Học phần thay thế thi TN hoặc khóa luận								Khoa MN
Lựa chọn từ các học phần thuộc khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành (02 học phần).								
Tổng cộng			60	15	10	17	18	

9. Mô tả tóm tắt học phần

9.1. Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin

5 TC

Điều kiện tiên quyết: Năm thứ nhất

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT, ngày 18/09/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh:

Ngoài 1 chương mở đầu nhằm giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin và một số vấn đề chung của môn học. Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 3 phần, 9 chương: Phần thứ nhất có 3 chương bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin; phần thứ hai có 3 chương trình bày ba nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; phần thứ ba có 3 chương, trong đó có 2 chương khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội và 1 chương khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

9.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.

9.3. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 8 chương:

Chương I: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; chương II: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); chương III: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); chương IV: Đường lối công nghiệp hoá; chương V: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chương VI: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; chương VII: Đường lối xây dựng văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội; chương VIII: Đường lối đối ngoại.

9.4. Pháp luật đại cương

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin

Chương trình môn học Pháp luật đại cương dùng cho đào tạo trình độ cao đẳng, đại học gồm 11 chương, 03 phần những kiến thức cơ bản về các vấn đề:

- Phần thứ nhất: Những khái niệm chung về nhà nước và pháp luật (02 chương);
- Phần thứ 2: Hệ thống pháp luật Việt Nam,
- Phần thứ 3: Luật pháp quốc tế.

9.5. Tiếng Anh 1

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần **Tiếng Anh 1** nhằm cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về một ngoại ngữ 2 thông qua các bài hội thoại đơn giản, các bài tập có cấu trúc ngữ pháp và từ vựng cơ bản để có thể diễn đạt một số chủ đề về giao tiếp hàng ngày như: giới thiệu tên, tuổi, nghề nghiệp, quốc tịch, học vấn, thói quen hàng ngày. Qua đó, người học có thể giới thiệu về bản thân mình, mô tả về công việc hàng ngày thông qua một số tình huống giao tiếp thông thường.

9.6. Tiếng Anh 2

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1

Học phần **Tiếng Anh 2**: Học phần này nhằm rèn luyện thêm cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về một ngoại ngữ 2 trên bình diện ngữ pháp, cấu trúc, từ vựng qua các hoạt động giao tiếp, tương tác trong lớp học, cũng như qua nhiều dạng bài tập giúp người học củng cố kiến thức ngôn ngữ và sử dụng hiệu quả trong giao tiếp nhằm diễn đạt một số chủ đề thường gặp trong cuộc sống hàng ngày như địa điểm, thực phẩm, kỳ nghỉ, tính cách, thời tiết...và các tình huống giao tiếp thông thường khác.

9.7. Giáo dục quốc phòng và an ninh (165 tiết)

Điều kiện tiên quyết: Không

Giáo dục quốc phòng và an ninh là môn học chính khóa, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang

nhân dân; bổ sung kiến thức về phòng thủ dân sự và kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc.

Môn học gồm 04 học phần với tổng thời lượng 165 tiết (1) Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam - 45 tiết (2) Công tác quốc phòng và an ninh - 30 tiết (3) Quân sự chung - 30 tiết (4) Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật (60 tiết).

9.8. Giáo dục thể chất (90 tiết)

Điều kiện tiên quyết: Không

Giới thiệu và thực hành một số kỹ thuật cơ bản của các nội dung: Các môn Điền kinh, Thể dục, Bóng chuyền, Cầu lông, Đá cầu. Đồng thời thông qua các bài tập thực hành, vận động giúp sinh viên có được sức khỏe, tinh thần và thể lực tốt để học tập, nghiên cứu góp phần phát triển con người toàn diện. Trên cơ sở đó, học phần giúp sinh viên hình thành các năng lực: năng lực tự kiểm tra đánh giá kết quả học tập, năng lực vận dụng kiến thức và kỹ năng vận động trong TDDT vào cuộc sống thực tiễn, năng lực hoạt động xã hội (năng lực tham gia thi đấu và làm trọng tài ở một số môn thể thao, năng lực hướng dẫn cộng đồng tập luyện TDDT đúng cách).

9.9. CNTT và UDCNTT trong GDMN

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Công nghệ thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin trong Giáo dục Mầm non trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính thiết yếu của việc cần UDCNTT trong dạy học ngày nay. Giới thiệu một số phần mềm công cụ như xử lý văn bản với Microsoft Word, thiết kế bài trình chiếu với Microsoft Powerpoint, cách tìm kiếm thông tin trên Internet và một số phần mềm trò chơi, chăm sóc, quản lý trẻ mầm non.

9.10. Tâm lý học đại cương

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Tâm lý học đại cương giới thiệu cho sinh viên về đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, chức năng, bản chất hiện tượng tâm lý người và sự đa dạng của các hiện tượng tâm lý trong đời sống con người; Những vấn đề về cơ sở tự nhiên, cơ sở xã hội của tâm lý, sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức về phương diện cá thể; Các quá trình nhận thức như cảm giác, tri giác, tư duy, tưởng tượng và trí nhớ, ngôn ngữ của con người; Một số vấn đề cơ bản về bản chất, các thuộc tính tâm lý của nhân cách và con đường hình thành nhân cách; Những sai lệch hành vi về mặt tâm lý trong sự phát triển nhân cách và biện pháp khắc phục chúng.

9.11. Giáo dục học đại cương

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung cơ bản của học phần là hệ thống tri thức cơ bản về vai trò của giáo dục, mục đích, nguyên lý, và hệ thống GD quốc dân. GD mầm non trong hệ thống GD quốc

dân, cung cấp những kiến thức về giáo dục học, bao gồm các phạm trù, khái niệm, các nguyên tắc và phương pháp cơ bản của giáo dục học làm cơ sở cho việc tiếp thu các học phần hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm. Trên cơ sở đó hình thành năng lực tìm hiểu môi trường giáo dục và nghiên cứu khoa học, đặt nền tảng cho việc hình thành năng lực dạy học và giáo dục cho sinh viên.

9.12. Mỹ thuật

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Những vấn đề chung về nghệ thuật tạo hình, kiến thức và kỹ năng thể hiện về hình họa, màu sắc, trang trí cơ bản, bố cục, phóng tranh, tranh đề tài, tranh minh họa, tranh xé cắt dán, kẻ cắt chữ, nặn.

Những vấn đề chung về kỹ thuật làm đồ chơi: ý nghĩa của đồ chơi đối với trẻ nhỏ; nguyên tắc làm đồ chơi, kỹ thuật làm đồ chơi từ các nguyên vật liệu khác nhau.

9.13. Âm nhạc và Múa

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học gồm các nội dung sau:

- Nhạc lý cơ bản: Âm thanh, cao độ, trường độ, nhịp, phách, cung, quãng, hợp âm, điệu thức, dịch giọng.
- Tập đọc nhạc: Tập đọc các bài trong chương trình giáo dục Mầm non.
- Giới thiệu sơ lược về kỹ thuật ca hát.
- Múa cơ bản: Khái niệm cơ bản về nghệ thuật múa, một số kỹ năng múa, một số động tác múa dân gian các dân tộc.

9.14. Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi Mầm non trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu tạo và chức năng của các cơ quan, các hệ cơ quan trong cơ thể người, giới thiệu các giai đoạn tăng trưởng và phát triển của cơ thể trẻ em, mối quan hệ giữa cơ thể với môi trường, sự phát triển của các hệ: hệ thần kinh; các giác quan; đặc điểm sinh lý và vệ sinh các hệ cơ quan trong cơ thể trẻ em từ sơ sinh đến 6 tuổi.

Môn học có mối quan hệ chặt chẽ và là nền tảng cho các môn học Tâm lý học trẻ em; Vệ sinh - Dinh dưỡng; Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ em.

9.15. Sự học và sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương

Mục tiêu của học phần nhằm hình thành kiến thức, kỹ năng, năng lực đánh giá về tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non, tạo nền tảng cho quá trình dạy học và giáo dục trẻ em ở lứa tuổi này.

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tâm lý học trẻ em, các

quy luật phát triển tâm lí của trẻ em, đặc điểm phát triển tâm lí của trẻ em từ lọt lòng đến 36 tháng tuổi và các dạng hoạt động của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo; việc dạy và học đối với trẻ mầm non, giao tiếp ứng xử của cô giáo đối với trẻ mầm non.

9.16. Giáo dục học Mầm non và Nghề giáo viên Mầm non 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương, Giáo dục học đại cương

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về giáo dục học mầm non, các nguyên tắc, mục tiêu và nhiệm vụ giáo dục mầm non, nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục trẻ em ở lứa tuổi mầm non. Học phần hướng dẫn sinh viên tổ chức chế độ sinh hoạt hàng ngày và các hoạt động giáo dục cho trẻ ở trường mầm non. Bên cạnh đó, học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề cơ bản về hoạt động sư phạm và nhân cách của giáo viên mầm non.

9.17. Chương trình giáo dục mầm non – Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về nội dung chương trình giáo dục mầm non (GDMN) hiện hành (bao gồm chương trình giáo dục nhà trẻ, chương trình giáo dục mẫu giáo) và phát triển chương trình GDMN (bao gồm việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện chương trình, xây dựng môi trường giáo dục, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non) (theo cách tiếp cận của chương trình GDMN hiện hành và cách tiếp cận của GDMN thế giới đang được áp dụng tại Việt Nam). Bên cạnh đó sinh viên được trang bị những kỹ năng phát triển chương trình giáo dục mầm non như kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng tổ chức thực hiện chương trình (theo chủ đề, theo hướng tích hợp...), kỹ năng xây dựng môi trường giáo dục theo hướng lấy trẻ làm trung tâm, kỹ năng đánh giá việc thực hiện chương trình GDMN.

9.18. Vệ sinh – Dinh dưỡng 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần vệ sinh - dinh dưỡng trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: công tác vệ sinh trường mầm non, vệ sinh chăm sóc trẻ; giới thiệu đại cương về dinh dưỡng, dinh dưỡng ở trẻ em tuổi nhà trẻ, mẫu giáo, giáo dục dinh dưỡng - sức khỏe cho trẻ mầm non theo hướng tích hợp. Bên cạnh đó, sinh viên thực hiện được các thao tác vệ sinh ở trường mầm non; vệ sinh chăm sóc trẻ theo chế độ sinh hoạt và hình thành kỹ năng lựa chọn, bảo quản sơ chế, chế biến thực phẩm thành các món ăn cho trẻ ở trường mầm non; có kỹ năng lập kế hoạch giáo dục dinh dưỡng (GIDD) - sức khỏe cho trẻ theo hướng tích hợp; tuyên truyền giáo dục dinh dưỡng trong cộng đồng và trường mầm non để thay đổi nhận thức và hành động của người dân về vấn đề dinh dưỡng.

9.19. Tổ chức hoạt động tạo hình 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học giới thiệu cho sinh viên những vấn đề chung về hoạt động tạo hình ở trường Mầm non: ý nghĩa, vai trò, phương pháp, hình thức tổ chức tạo hình; Cung cấp và hướng dẫn sinh viên lập kế hoạch và tổ chức các dạng hoạt động tạo hình ở trường mầm non; Cập nhật, tiếp cận xu hướng giáo dục mầm non đang ứng dụng tại Việt Nam một số nội dung phù hợp với học phần;

9.20. Tổ chức hoạt động âm nhạc

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giới thiệu cho sinh viên những vấn đề chung về hoạt động âm nhạc ở trường Mầm non: ý nghĩa, vai trò, phương pháp, hình thức tổ chức; Cung cấp và hướng dẫn sinh viên cách lập kế hoạch và tổ chức các dạng hoạt động âm nhạc ở trường mầm non; Môn học giúp sinh viên vận dụng xây dựng và tổ chức các chương trình, ngày hội, lễ ở trường mầm non; Cập nhật, tiếp cận xu hướng giáo dục mầm non đang ứng dụng tại Việt Nam một số nội dung phù hợp với học phần;

9.21. Tổ chức hoạt động vui chơi

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần “*Tổ chức hoạt động vui chơi*” cung cấp cho sinh viên một số vấn đề chung về hoạt động vui chơi của trẻ ở trường mầm non: khái niệm, nguồn gốc, bản chất, ý nghĩa của hoạt động vui chơi; sự hình thành và phát triển các trò chơi cho trẻ mầm non. Cung cấp và hướng dẫn sinh viên lập kế hoạch tổ chức hướng dẫn các loại trò chơi cho trẻ ở trường mầm non và tổ chức hoạt động vui chơi theo chế độ sinh hoạt của trẻ ở trường mầm non; Cập nhật, tiếp cận xu hướng giáo dục mầm non đang ứng dụng tại Việt Nam một số nội dung phù hợp với học phần.

9.22. Phương pháp phát triển ngôn ngữ

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần phương pháp phát triển ngôn ngữ cung cấp cho sinh viên những vấn đề chung về bộ môn như: đối tượng nghiên cứu, nhiệm vụ, phương pháp, hình thức phát triển ngôn ngữ cho trẻ em; giúp sinh viên nắm được các nội dung về: giáo dục chuẩn mực ngữ âm tiếng Việt; hình thành và phát triển vốn từ cho trẻ; dạy trẻ sử dụng các mẫu câu tiếng Việt và phát triển lời nói mạch lạc; cho trẻ làm quen với tác phẩm văn chương; bên cạnh đó chuẩn bị cho trẻ những kiến thức cơ bản để học tiếng Việt ở trường tiểu học; làm quen với chữ viết. Biết lập kế hoạch, tổ chức và đánh giá hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ ở các độ tuổi mầm non dưới nhiều hình thức khác nhau; Cập nhật, tiếp cận xu hướng giáo dục mầm non đang ứng dụng tại Việt Nam một số nội dung phù hợp với học phần.

9.23. Phương pháp làm quen với toán

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần “*Phương pháp làm quen toán*” trang bị cho sinh viên cơ sở lý luận về quá trình hình thành các biểu tượng toán cho trẻ mầm non như vai trò, nhiệm vụ, các nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động hình thành các biểu tượng toán cho trẻ mầm non (tập hợp, con số, phép đếm; kích thước; hình dạng; định hướng không gian và thời gian); Giúp cho sinh viên lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá quá trình hình thành các biểu tượng toán ở trường mầm non.

9.24. PP khám phá khoa học và môi trường xung quanh

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần phương pháp khám phá khoa học (KPKH) về môi trường xung quanh (MTXQ) trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về bộ môn như: ý nghĩa, đặc điểm nhận thức; mục đích, nhiệm vụ và các nguyên tắc cho trẻ KPKH về MTXQ. Giúp sinh viên nắm được các yêu cầu, nội dung, phương pháp điều kiện, phương tiện và hình thức tổ chức hoạt động KPKH về MTXQ cho trẻ: Bên cạnh đó sinh viên biết cách lập kế hoạch và tổ chức và đánh giá các hoạt động KPKH về MTXQ cho trẻ ở các độ tuổi dưới nhiều hình thức khác nhau; Cập nhật, tiếp cận xu hướng giáo dục mầm non đang ứng dụng tại Việt Nam một số nội dung phù hợp với học phần.

9.25. Phương pháp làm quen văn học

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần “*Phương pháp làm quen văn học*” trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc điểm thơ, truyện viết cho trẻ em lứa tuổi mầm non; vai trò của văn học đối với sự phát triển của trẻ thơ và một số đặc điểm tâm lý của trẻ em liên quan đến việc tiếp nhận tác phẩm văn học; Học phần cung cấp cho sinh viên các phương pháp và cách thức tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen với thơ, truyện cũng như giúp cho sinh viên lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen với văn học ở các độ tuổi; Cập nhật, tiếp cận xu hướng giáo dục mầm non đang ứng dụng tại Việt Nam một số nội dung phù hợp với học phần.

9.26. Phương pháp giáo dục thể chất

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Phương pháp giáo dục thể chất trang bị cho sinh viên những vấn đề chung về phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non: đặc điểm phát triển thể chất, mục đích, nhiệm vụ và nguyên tắc; nội dung và phương tiện; phương pháp; hình thức; tổ chức công tác giáo dục thể chất cho trẻ ở trường mầm non. Biết thực hiện các bài tập phát triển chung, các vận động cơ bản, tổ chức trò chơi vận động cho trẻ theo từng độ tuổi; biết lập kế hoạch, tổ chức và đánh giá hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ ở các độ tuổi mầm non dưới nhiều hình thức khác nhau. Cập nhật, tiếp cận xu hướng giáo dục mầm non đang ứng dụng tại Việt Nam một số nội dung phù hợp với học phần.

9.27. Thực tập cuối khóa

4 TC

Điều kiện tiên quyết: Các học phần chuyên ngành và phương pháp giảng dạy.

Sinh viên thực hành như một giáo viên mầm non, tham gia vào tất cả các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ ở trường mầm non; thiết kế và thực hiện chương trình trên cơ sở khai thác các nguồn lực một cách hợp lý. Tiếp tục rèn luyện và thể hiện kỹ năng giao tiếp với trẻ, phụ huynh, đồng nghiệp và cộng đồng; rèn luyện và thể hiện một cách có hiệu quả các kỹ năng tổ chức và quản lý nhóm lớp; rèn luyện kỹ năng đánh giá và điều chỉnh các hoạt động giáo dục trẻ.

10. Hướng dẫn thực hiện chương trình**10.1. Cấu trúc chương trình****10.1.1. Về nội dung:**

Nội dung chương trình được xây dựng theo hướng phát triển năng lực ở người học, bao gồm năng lực giáo dục, năng lực về chuyên môn Giáo dục Mầm non và các năng lực khác. Chương trình cũng được thiết kế tương thích với Khung năng lực giáo viên Mầm non tại Việt Nam. Định hướng mở của chương trình cũng được chú trọng khi có nhiều học phần tự chọn và gắn liền với thực tiễn, phù hợp với trình độ của người học. Tỷ trọng của các nội dung lý thuyết giảm và tăng nội dung thực hành cũng nhằm tạo điều kiện và đảm bảo sự phát triển nghề nghiệp của người học trong khi vẫn bảo đảm tính hệ thống từ thấp đến cao của chương trình.

10.1.2. Về phương pháp, phương tiện và tổ chức đào tạo:

Tổ chức các hoạt động đào tạo phải hướng đến việc phát huy năng lực tự học của người học, giúp người học hình thành ý thức tự giác, chủ động, sáng tạo trong công việc học tập của bản thân. Cụ thể:

Sử dụng đa dạng các phương pháp dạy và học như: thuyết trình, phát vấn, seminar, dạy học theo dự án, bài tập tình huống, thảo luận nhóm, thực hành, thực tập....góp phần đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Sử dụng đa dạng các phương pháp kiểm tra đánh giá như: tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thực hành tổ chức giờ học giả định, dự án theo nhóm, viết báo cáo ...góp phần đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

- Sử dụng triệt để các phương tiện kỹ thuật dạy học như các thiết bị nghe nhìn, máy tính, các phần mềm hỗ trợ dạy học Mầm non, mạng Internet.

10.2. Thực hiện chương trình

Trước khi bắt đầu mỗi học phần, giảng viên phải cung cấp đề cương chi tiết học phần cho sinh viên, công bố hình thức kiểm tra đánh giá học phần, các tài liệu học tập và tài liệu tham khảo. Giảng viên phải có kế hoạch hướng dẫn sinh viên chuẩn bị nội dung học tập cho từng chương, bài, bao gồm hướng dẫn đọc và tóm tắt từng phần bài trong giáo trình, tài liệu tham khảo; hướng dẫn lập kế hoạch, thực hành giảng dạy; hướng dẫn làm thảo luận; hướng dẫn làm các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động trải nghiệm cùng cơ sở Thực hành.

10.3. Điều hành chương trình

Khối lượng kiến thức toàn khóa là 60 tín chỉ, chưa kể học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng

Chương trình bao gồm các học phần bắt buộc và các học phần thay thế được lên kế hoạch giảng dạy trong 4 học kỳ. Sinh viên phải học các học phần bắt buộc theo kế hoạch và đáp ứng các điều kiện tiên quyết như trong mô tả học phần. Các học phần thay thế được đăng kí học theo học kỳ tương ứng.

Các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức nghiệp vụ chung do các đơn vị có liên quan tổ chức và điều hành giảng dạy. Các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành Giáo dục Mầm non do khoa Mầm non quản lí, tổ chức và điều hành giảng dạy.

11. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng	Học phần
1	Lê Hải Diệu	1974	ThS GDMN	Chương trình giáo dục mầm non - Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN; PP khám phá khoa học và môi trường xung quanh; PP phát triển ngôn ngữ; PP làm quen với văn học; PP làm quen với toán; Tổ chức HĐ âm nhạc; Tổ chức HĐVC; Tổ chức HĐ tạo hình; PP giáo dục thể chất; Vệ sinh – Dinh dưỡng
2	Dương Bích Thúy	1977	ThS GDMN	Chương trình giáo dục mầm non - Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN; PP khám phá khoa học và môi trường xung quanh; PP phát triển ngôn ngữ; PP làm quen với văn học; PP làm quen với toán; Tổ chức HĐ âm nhạc; Tổ chức HĐVC; Tổ chức HĐ tạo hình; PP giáo dục thể chất; Vệ sinh – Dinh dưỡng
3	Hoàng Ngọc Mai	1988	Cử nhân GDMN	Chương trình giáo dục mầm non - Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN; PP khám phá khoa học và môi trường xung quanh; PP phát triển ngôn ngữ; PP làm quen với văn học; PP làm quen với toán; Tổ chức HĐ âm nhạc; Tổ chức HĐVC; Tổ chức HĐ tạo hình; PP giáo dục thể chất; Vệ sinh – Dinh dưỡng
4	Nguyễn Ngọc Anh	1993	ThS GDMN	PP khám phá khoa học và môi trường xung quanh; PP phát triển ngôn ngữ; PP làm quen với văn học; PP làm quen

				với toán; Tổ chức HĐ âm nhạc; Tổ chức HĐVC; Tổ chức HĐ tạo hình; PP giáo dục thể chất; Vệ sinh – Dinh dưỡng
5	Bùi Thị Miên	1990	Cử nhân GDMN	PP khám phá khoa học và môi trường xung quanh; PP phát triển ngôn ngữ; PP làm quen với văn học; PP làm quen với toán; Tổ chức HĐ âm nhạc; Tổ chức HĐVC; Tổ chức HĐ tạo hình; PP giáo dục thể chất; Vệ sinh – Dinh dưỡng
6	Nguyễn Thị Duyên	1983	Cử nhân GDMN	PP khám phá khoa học và môi trường xung quanh; PP phát triển ngôn ngữ; PP làm quen với văn học; PP làm quen với toán; Tổ chức HĐ âm nhạc; Tổ chức HĐVC; Tổ chức HĐ tạo hình; PP giáo dục thể chất; Vệ sinh – Dinh dưỡng
7	Vũ Hằng Nga	1999	Cử nhân GDMN	PP khám phá khoa học và môi trường xung quanh; PP phát triển ngôn ngữ; PP làm quen với văn học; PP làm quen với toán; Tổ chức HĐ âm nhạc; Tổ chức HĐVC; Tổ chức HĐ tạo hình; PP giáo dục thể chất; Vệ sinh – Dinh dưỡng
8	Nguyễn Thành Hưng		Thạc sĩ Triết học	Đường lối cách mạng của ĐCSVN; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin.
9	Đỗ Thị Thanh Mai	1986	Thạc sĩ Kinh tế chính trị	Đường lối cách mạng của ĐCSVN; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin.
10	Đỗ Thị Tiến Thành	1981	Thạc sĩ Lịch sử Đảng	Đường lối cách mạng của ĐCSVN; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin.
11	Trịnh Thị Hồng	1987	Thạc sĩ	Đường lối cách mạng của ĐCSVN; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin.
12	Bùi Thị Phương	1989	Cử nhân	Đường lối cách mạng của ĐCSVN; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin.
13	Trần Lê Quân	1968	Thạc sĩ CNXHKKH; Giảng viên ĐLCM	Đường lối cách mạng của ĐCSVN; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin.
14	Hà Thị Vân Hòa	1990	Cử nhân Tư tưởng Hồ Chí Minh	Đường lối cách mạng của ĐCSVN; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin.

15	Nguyễn Phương Quỳnh	1969	Thạc sỹ Tư tưởng Hồ Chí Minh	Đường lối cách mạng của ĐCSVN: Tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin.
16	Quách Công Sơn	1968	Thạc sỹ Kinh tế chính trị;	Đường lối cách mạng của ĐCSVN; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin.
17	Trần T Hương Dung	1982	Thạc sỹ Tâm lý học	Tâm lý học đại cương, Giáo dục học đại cương, Sự học và sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non; Giáo dục học mầm non và Nghề giáo viên mầm non
18	Phạm Thị Lệ Hằng	1982	Thạc sỹ Tâm lý học	Tâm lý học đại cương, Giáo dục học đại cương, Sự học và sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non; Giáo dục học mầm non và Nghề giáo viên mầm non
19	Phạm Nam Phương	1980	Thạc sỹ Giáo dục học	Tâm lý học đại cương, Giáo dục học đại cương, Sự học và sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non; Giáo dục học mầm non và Nghề giáo viên mầm non
20	Trần Thị Thu Trang	1985	Thạc sỹ Giáo dục học	Tâm lý học đại cương, Giáo dục học đại cương, Sự học và sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non; Giáo dục học mầm non và Nghề giáo viên mầm non
21	Nguyễn Thị Hương May	1986	Cử nhân Tâm lý - Giáo dục	Tâm lý học đại cương, Giáo dục học đại cương, Sự học và sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non; Giáo dục học mầm non và Nghề giáo viên mầm non
22	Nguyễn Thị Huyền	1989	Thạc sỹ Giáo dục học	Tâm lý học đại cương, Giáo dục học đại cương, Sự học và sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non; Giáo dục học mầm non và Nghề giáo viên mầm non
23	Vũ Thị Ánh Ngọc	1973	Thạc sỹ GDTC	Giáo dục thể chất
24	Đồng Sỹ Khang	1975	Thạc sỹ GDTC	Giáo dục thể chất.
25	Nguyễn Thị Hưng	1987	Thạc sỹ QLGD	Giáo dục quốc phòng – an ninh; Giáo dục thể chất.
26	Bùi Văn Thiện	1985	Đại học GDTC-QP	Giáo dục quốc phòng – an ninh; Giáo dục thể chất.
27	Hà Băng Tâm	1975	Đại học Âm nhạc	Âm nhạc và múa; Tổ chức HĐAN
28	Nguyễn T Thanh Hà	1985	Thạc sỹ Âm nhạc	Âm nhạc và múa; Tổ chức HĐAN
29	Mai Huệ	1982	Đại học Mỹ thuật	Mỹ thuật; Tổ chức HĐTH

30	Nguyễn Mạnh Huy	1979	Thạc sĩ Mỹ thuật	Mỹ thuật; Tổ chức HĐTH
31	Phùng T Thu Trang	1987	Thạc sĩ Mỹ thuật	Mỹ thuật; Tổ chức HĐTH
32	Bùi Thị Dân	1975	Thạc sĩ Toán học	PP làm quen với toán
33	Ngô Thị Thu Thủy	1973	Thạc sĩ Toán học	PP làm quen với toán
34	Bùi Thị Hương	1971	Thạc sĩ Văn học	PP làm quen với văn học
35	Nguyễn T Kim Cúc	1971	Thạc sĩ Văn học	PP làm quen với văn học
36	Bùi Văn Dược	1968	Thạc sĩ Văn học	PP làm quen với văn học
37	Nguyễn T Thanh Bình	1973	Thạc sĩ QLGD	CTS và GDHN trẻ KT; GDHN trẻ KF; Tâm bệnh học và GDDD; PP nghiên cứu khoa học giáo dục
38	Nguyễn Văn Hào	1981	Thạc sĩ Tin học	CNTT và UDCNTT trong GDMN
39	Trương T Phương Lan	1989	Thạc sĩ Tin học	CNTT và UDCNTT trong GDMN
40	Bùi Bích Huệ	1987	Đại học CNTT	CNTT và UDCNTT trong GDMN
41	Lỗ Thị Nhung	1987	Đại học tiếng Anh	Tiếng Anh
42	Trần Thị Na	1974	Đại học tiếng Anh	Tiếng Anh
43	Lê T Thu Hương	1974	Đại học tiếng Anh	Tiếng Anh
44	Nguyễn Thị Hồng Thu	1991	Đại học tiếng Anh	Tiếng Anh
45	Đinh Thị Thảo	1986	Đại học tiếng Anh	Tiếng Anh
46	Ngô T Thùy Hương	1973	Thạc sĩ Tiếng Anh	Tiếng Anh
47	Nguyễn T Huyền Trang	1982	Đại học tiếng Anh	Tiếng Anh
48	Quách Thị Thuý Thiện	1991	Thạc sĩ Tiếng Anh	Tiếng Anh
49	Nguyễn T Bích Ngọc	1971	Thạc sĩ Sinh học	Sự phát triển thể chất trẻ em LTMN, Vệ sinh - Dinh dưỡng
50	Bùi Thị Hằng Thơ	1978	Thạc sĩ Sinh học	Sự phát triển thể chất trẻ em LTMN, Vệ sinh - Dinh dưỡng
51	Nguyễn Vũ Asa	1985	Thạc sĩ Sinh học	Sự phát triển thể chất trẻ em LTMN, Vệ sinh - Dinh dưỡng

12. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

12.1. Phòng nghiệp vụ

- Phòng thực hành tập giảng với các thiết bị, đồ dùng theo chuẩn lớp MN tại cơ sở
- Phòng thực hành nấu ăn được thiết kế theo quy trình bếp 1 chiều, có đầy đủ đồ dùng, thiết bị phục vụ thực hành cho sinh viên.

12.2. Thư viện

12.3. Giáo trình, tập bài giảng

TT	Tên giáo trình / ĐCBG	Tác giả	Nhà XB	Năm
1	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin (Dành cho sinh viên Đại học, Cao đẳng khối không chuyên ngành Mác -- Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia -- Sự Thật, Hà Nội (Tái bản có sửa chữa, bổ sung, 2013)	2009
2	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho sinh viên Đại học, Cao đẳng khối không chuyên ngành Mác -- Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia -- Sự Thật, Hà Nội (Tái bản có sửa chữa, bổ sung, 2013).	2009
3	Pháp luật đại cương (Dùng trong các trường Đại học, Cao đẳng và THCN)	Lê Minh Toàn (chủ biên)	Chính trị quốc gia -- Sự Thật, Hà Nội	2011
4	Giáo trình Pháp luật đại cương	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đại học Sư phạm	2014
5	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo. (giáo trình dành cho sinh viên các trường sư phạm, ban hành theo quyết định số 33/2002/QĐ/BGD&ĐT)	Viện Nghiên cứu sư phạm - Phạm Viết Vượng chủ biên	Đại Học Sư Phạm	2003
6	Face2Face (Pre-Intermediate - Student's Book and Work Book). Cambridge -- University Press	Chris Redston & Gillie Cunningham,	Cambridge -- University Press	2005
7	Giáo trình GDQP Tập 1	Đào Huy Hiệp	Giáo dục	2009
8	Giáo trình GDQP Tập 2	Nguyễn Tiến Hải	Giáo dục	2009
9	Giáo trình Điền kinh	PGS.TS Nguyễn Kim Minh, Thạc sĩ Nguyễn Trọng Hải, Trần Đồng Lâm, Thạc sĩ Đặng Ngọc Quang	Đại học Sư phạm	2004
10	Giáo trình Điền kinh	Nguyễn Đình Cường, Phan Thị Hiệp	Đại học Sư phạm	2007
11	Giáo trình Thể dục dụng cụ	Đặng Đức Thao, Vũ Thị Thu	Giáo dục	1998
12	Giáo trình bóng chuyền	Sách dự án đào tạo giáo viên THCS	ĐHSP Hà Nội	2003
13	Giáo trình cầu lông	Th.S Trần Văn Vinh, Th.S Nguyễn Trọng Hải, Th.S Đào Chí Thành	ĐHSP Hà Nội	2004

14	Giáo trình đá cầu		ĐHSP Hà Nội	2003
15	Tâm lý học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn	ĐHQGHN	2008
16	Những vấn đề chung của giáo dục học	Thái Duy Tuyên	ĐHSP	2004
17	Tạo hình và phương pháp hướng dẫn trẻ mầm non hoạt động tạo hình (Dùng cho THCS)	Sở Giáo dục & Đào tạo Hà Nội	NXB Hà Nội	2005
18	Giáo trình mỹ thuật	Phạm Thị Chinh - Trần Tiểu Lâm	NXB Hà Nội	2008
19	Giáo trình trang trí	Tạ Phương Thảo	NXB Đại học sư phạm	2004
20	Âm nhạc và phương pháp giáo dục âm nhạc (tập I, II)	Ngô Thị Nam - Trần Nguyên Hoàn - Trần Minh Trí	Giáo dục	
21	Trẻ mầm non ca hát	Hoàng Văn Yên	Âm nhạc	2004
22	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi Mầm non	Tạ Thuý Lan, Trần Thị Loan	Giáo dục	2008
23	Sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non	Nguyễn Ánh Tuyết, Nguyễn Thị Như Mai	GDVN	2014
24	Giáo trình giáo dục gia đình	Ngô Công Hoàn	Giáo dục	2009
25	Giáo trình Nghề giáo viên mầm non	Hồ Lam Hồng	GDVN	2012
26	Giáo dục học mầm non	Phạm Thị Châu, Nguyễn Thị Oanh, Trần Thị Sinh	ĐHQGHN	2001
27	Giáo trình giáo dục hòa nhập, Nhà xuất bản Giáo dục.	Trần Thị Thiệp - Nguyễn Xuân Hải - Lê Thị Thúy Hằng	Giáo dục	2011
28	Chương trình Giáo dục mầm non	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục Việt Nam	2018
29	Tài liệu học tập một số học phần đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non (Chương trình giáo dục mầm non - Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non - Quản lý trong giáo dục mầm non).	Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh	Giáo dục Việt Nam	2013
30	Giáo trình Tổ chức hoạt động vui chơi	Đinh Văn Vang	Giáo dục	2009
31	Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ	Ứng Thị Châu- Nguyễn Lâm Bình- Lê Đức Hiền	Giáo dục	1998
32	Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình	Lê Đức Hiền.	Hà Nội	2005
33	Tạo hình và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em	Lê Hồng Vân.	ĐHQGHN	
34	Tổ chức hoạt động âm nhạc	Phạm Thị Hòa	Giáo dục VN	2010
35	Giáo trình Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	Đinh Hồng Thái, Trần Thị Mai	Giáo dục	2011
36	Giáo trình Phương pháp cho trẻ làm quen tác phẩm văn học	Lã Thị Bắc Lý, Lê Ánh Tuyết	Giáo dục	2008

37	Toán và phương pháp hình thành các biểu tượng toán học cho trẻ mẫu giáo.	Dinh Thị Nhung	Đại học Quốc gia Hà Nội	2001
38	Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với toán	Đỗ Thị Minh Liên	Giáo dục	2011
39	Giáo trình Phương pháp cho trẻ mầm non khám phá khoa học về môi trường xung quanh	Hoàng Thị Oanh Nguyễn Thị Xuân	Giáo dục	2011
40	Giáo trình PPGDTC đào tạo giáo viên mầm non có trình độ cao đẳng	Đặng Hồng Phương	Giáo dục	2008
41	Giáo trình Vệ sinh - Dinh dưỡng - Dành cho hệ đào tạo CĐSP Mầm non	Lê Thị Mai Hoa	Giáo dục	2011
42	Giáo trình phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non - Dành cho hệ CĐSP Mầm non	Lê Thị Mai Hoa	Giáo dục	2008
43	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	Nguyễn Thị Thu Hiền	Giáo dục	2008
44	Quản lý giáo dục mầm non	Phạm Thị Châu	Giáo dục	2014
45	Giáo trình Đánh giá trong giáo dục mầm non	Dinh Thị Kim Thoa	Giáo dục	2014
46	Lịch sử giáo dục thế giới	Hà Nhật Thăng, Đào Thanh Âm	Giáo dục	1998
47	60 năm giáo dục mầm non Việt Nam	Phạm Thị Sửu (chủ biên)	Giáo dục	2006
48	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Trần Ngọc Thêm	ĐHQG	2000
49	Môi trường và con người	Mai Đình Yên	Giáo dục	1997
50	Microsoft Office 2013 Dành Cho Người Bắt Đầu	Quang Huy - Tường Thụy	Thời Đại	2014
51	Phương pháp dạy và học đàn phím điện tử.	Xuân Tứ	Đại học Sư phạm	2005
52	Âm nhạc và múa (dành cho hệ CDSP mầm non)	Hoàng Công Dụng	Giáo dục	2012
53	Múa	Trần Minh Trí	Đại học Sư phạm	2007
54	Phương pháp nghiên cứu trẻ em	Nguyễn Anh Tuyết (chủ biên)	Đại học Quốc gia Hà Nội	2001
55	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	Phạm Viết Vượng	Giáo dục	1998
56	Giáo dục môi trường (Đào tạo GVTH)	Lê Văn Trường Nguyễn Kim Tiến	Giáo dục	2006
57	Tâm bệnh học trẻ em lứa tuổi mầm non	Nguyễn Thị Như Mai	Đại học Sư phạm	2014
58	Giáo trình Vệ sinh -- dinh dưỡng	Lê Thị Mai Hoa -- Trần Văn Dân	Giáo dục	2011
59	Giáo trình Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	Lê Thị Mai Hoa -- Trần Văn Dân	Giáo dục	2008

10. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp:

- Giáo viên tại các cơ sở giáo dục mầm non, các trung tâm giáo dục mầm non;
- Chuyên viên về giáo dục mầm non tại các cơ quan quản lý giáo dục,
- Tư vấn viên về giáo dục mầm non.

11. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp: Có thể học liên thông lên trình độ Đại học ngành Giáo dục mầm non tại các trường Đại học Sư phạm trong toàn quốc.

12. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc gia, quốc tế tham khảo:

Chương trình đào tạo của trường Cao đẳng Vĩnh Phúc, Cao đẳng Thái Nguyên, Cao đẳng Điện Biên.
